

CURRENT STATUS OF CAREER ORIENTATION AFTER GRADUATION AMONG FINAL-YEAR PREVENTIVE MEDICINE STUDENTS AT THE UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY, THAI NGUYEN UNIVERSITY IN 2025

Tran Thuy Linh, Le Hoai Thu*, Nguyen Viet Quang

*Thai Nguyen University of Medicine And Pharmacy -
284 Luong Ngoc Quyen, Phan Dinh Phung Ward, Thai Nguyen Province, Vietnam*

Received: 18/12/2025

Revised: 29/12/2025; Accepted: 24/02/2026

ABSTRACT

Objectives: To describe the current status of career orientation after graduation among final-year Preventive Medicine students at the University of Medicine and Pharmacy, Thai Nguyen University in 2025.

Methods: A cross-sectional descriptive study combining quantitative and qualitative approaches was conducted among 70 final-year students majoring in Preventive Medicine at the University of Medicine and Pharmacy, Thai Nguyen University in 2025.

Results: The percentage of students without career guidance after graduation is 44.3%. The tendency for students to choose work in their trained field is still low (61.4%), and they prioritize working at Centers for Disease Control, Health Centers, and Health Stations (45.7%). The top criteria students consider when choosing a workplace are a good working environment (67.1%), high salary (64.3%), and opportunities for professional development (50.0%). Students expect career guidance from family and relatives (57.1%) and from the university (28.6%).

Conclusion: The percentage of students without career guidance after graduation remains high. The tendency for students to choose jobs related to their field of study is still low. Students desire more career guidance from their families and the university. More attention is needed from academic advisors and the Public Health Faculty, which directly manages students.

Keywords: Career orientation, Preventive Medicine, students.

*Corresponding author

Email: lehoaitu@tnmc.edu.vn **Phone:** (+84) 944874392 **DOI:** 10.52163/yhc.v67i2.4400



THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP Ở SINH VIÊN NĂM CUỐI NGÀNH BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN NĂM 2025

Trần Thùy Linh, Lê Hoài Thu*, Nguyễn Việt Quang

Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên, Đại học Thái Nguyên -
284 Lương Ngọc Quyến, P. Phan Đình Phùng, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Ngày nhận: 18/12/2025

Ngày sửa: 29/12/2025; Ngày đăng: 24/02/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên cuối ngành Bác sĩ Y học dự phòng, Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên năm 2025.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp nghiên cứu định lượng và định tính được thực hiện trên 70 sinh viên từ năm cuối của ngành Bác sĩ Y học dự phòng tại trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên năm 2025.

Kết quả: Tỷ lệ sinh viên chưa có định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp là 44,3%. Sinh viên có xu hướng lựa chọn làm việc đúng chuyên môn được đào tạo còn chưa cao (61,4%) và ưu tiên các cơ sở Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế, Trạm Y tế (45,7%). Tiêu chí được sinh viên quan tâm hàng đầu khi lựa chọn nơi làm việc là môi trường làm việc tốt (67,1%), lương cao (64,3%) và có cơ hội phát triển chuyên môn (50,0%). Sinh viên mong muốn nhận được định hướng việc làm từ gia đình, người thân (57,1%), từ Nhà trường (28,6%).

Kết luận: Tỷ lệ sinh viên chưa có định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp còn cao. Sinh viên có xu hướng chọn việc làm đúng chuyên môn vẫn còn thấp. Sinh viên mong muốn nhận được thêm sự định hướng việc làm từ gia đình và Nhà trường. Cần có sự quan tâm hơn nữa từ cố vấn học tập và khoa Y tế công cộng trực tiếp quản lý sinh viên.

Từ khóa: Định hướng việc làm, Y học dự phòng, sinh viên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành Y học dự phòng giữ vai trò then chốt trong hệ thống y tế, góp phần phòng ngừa bệnh tật, kiểm soát dịch bệnh và nâng cao sức khỏe cộng đồng. Tuy nhiên, tại nhiều quốc gia, công tác đào tạo và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên ngành Y học dự phòng vẫn chưa được đầu tư tương xứng, dẫn đến sự chưa tương thích giữa chương trình đào tạo và yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động. Tại Trung Quốc năm 2020 cho thấy tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Y học dự phòng có việc làm đạt 95,45%; tuy nhiên, 40% sinh viên không hài lòng hoặc trung lập với công việc hiện tại, 23,64% làm việc không đúng chuyên môn và 29% bị nhà tuyển dụng đánh giá chưa đáp ứng yêu cầu¹. Tại Việt Nam, nghiên cứu năm 2022 tại Trường Đại học Y Hà Nội cho thấy các yếu tố như môi trường làm việc tốt (79,3%) và cơ hội phát triển chuyên môn (69,4%) là tiêu chí ưu tiên của sinh viên khi lựa chọn nơi làm việc². Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu về thực trạng định hướng nghề nghiệp của sinh viên ngành Bác sĩ Y học dự phòng còn hạn chế, đặc biệt tại các cơ sở đào tạo thuộc khu vực trung du và miền núi phía Bắc.

Tại Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên, hoạt động định hướng nghề nghiệp đã được triển khai trong quá trình đào tạo nhưng chưa có đánh giá đầy đủ về thực trạng định hướng việc làm của sinh viên năm cuối. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm mô tả thực trạng định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp ở sinh viên năm

c cuối ngành Bác sĩ Y học dự phòng của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên năm 2025.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên chính quy năm cuối 2 năm học 2024-2025 và 2025-2026 ngành Bác sĩ Y học Dự phòng Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên đồng ý tham gia nghiên cứu và không học song bằng.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

- Thời gian: Từ tháng 01 năm 2025 đến tháng 12 năm 2025.

- Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang, kết hợp nghiên cứu định lượng và định tính.

2.4. Cỡ mẫu và chọn mẫu nghiên cứu: Chọn toàn bộ sinh viên năm cuối ngành Bác sĩ Y học dự phòng đảm bảo đúng tiêu chuẩn lựa chọn, thực tế thu được mẫu là 70 đối tượng.

2.5. Biến số nghiên cứu

- Thông tin chung của đối tượng: giới tính, tuổi, dân tộc, kinh tế gia đình, thông tin học tập của đối tượng, khu vực

*Tác giả liên hệ

Email: lehoaiThu@tnmc.edu.vn Điện thoại: (+84) 944874392 DOI: 10.52163/yhc.v67i2.4400

sinh sống của đối tượng.

- Thực trạng định hướng lựa chọn việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên: kế hoạch sau khi tốt nghiệp, định hướng lĩnh vực/chuyên khoa, định hướng loại hình cơ quan, định hướng tuyến cơ quan, định hướng địa phương làm việc, tiêu chí ưu tiên khi lựa chọn nơi làm việc, mong muốn nhận định hướng nghề nghiệp.

2.6. Phương pháp thu thập thông tin

- Thu thập thông tin định lượng: Thông tin được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn gián tiếp, tiến hành phát phiếu phỏng vấn cho toàn bộ sinh viên ngành Bác sĩ Y học dự phòng.

- Thu thập thông tin định tính được tiến hành sau khi có kết quả nghiên cứu định lượng: số liệu thu thập bằng thảo luận nhóm trên 20 sinh viên trong đó 10 sinh viên ở nhóm đã có định hướng nghề nghiệp và 10 sinh viên ở nhóm chưa có định hướng nghề nghiệp. Nội dung thảo luận gồm đánh giá thực trạng định hướng vị trí việc làm sau tốt nghiệp hiện tại, dự định sau khi tốt nghiệp, các nguồn thông tin nhận được để định hướng việc làm, định hướng lĩnh vực, nơi làm việc sau này, các yếu tố ảnh hưởng đến định hướng vị trí việc làm sau tốt nghiệp, đề xuất một số giải pháp để sinh viên ngành YHDP năm cuối được định hướng vị trí việc làm tốt nhất.

- Công cụ thu thập số liệu: Xây dựng bộ câu hỏi đánh giá định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp ở sinh viên năm cuối sinh viên ngành Bác sĩ Y học dự phòng của trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên:

- * Phần 1: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu.
- * Phần 2: Bộ câu hỏi về định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp.

Phiếu hướng dẫn thảo luận nhóm, máy ghi âm để ghi lại nội dung cuộc thảo luận.

2.7. Xử lý và phân tích số liệu

- Số liệu được thu thập sau đó nhập bằng phần mềm Epidata 3.1 và phân tích bằng phần mềm SPSS 26.0.

- Sử dụng thuật kê thống kê y học cơ bản: tính toán các tần số, tỷ lệ %.

2.8. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu đã được đã được thông qua bởi Hội đồng Đạo đức trong nghiên cứu Y sinh học trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên quyết định số 222/ĐHYD-HĐĐĐ ngày 28/02/2025. Các đối tượng tham gia nghiên cứu đã được giải thích rõ ràng, cụ thể về mục đích và nội dung nghiên cứu. Các đối tượng đều dựa trên tinh thần tự nguyện khi tham gia vào nghiên cứu. Tất cả thông tin, số liệu đều được mã hóa để đảm bảo tính bí mật của thông tin. Kết quả nghiên cứu chỉ dùng phục vụ cho công tác định hướng việc làm cho sinh viên nhà trường.

3. KẾT QUẢ

3.1. Thông tin về đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		SL	%
Giới tính	Nam	35	50,0
	Nữ	35	50,0
Dân tộc	Kinh	56	80,0
	Khác	14	20,0

Đặc điểm		SL	%
Xếp loại học tập	Khá Giỏi	48	68,6
	Trung bình yếu	22	31,4
Nơi ở	Thành thị	39	55,7
	Nông thôn	31	44,3
Tổng		70	100,0

Tỷ lệ giới tính của đối tượng nghiên cứu cân bằng (50%), phần lớn là dân tộc Kinh (80%). Đa số sinh viên xếp loại học tập khá giỏi (68,6%). Nơi ở của sinh viên đa số sống ở thành thị (55,7%).

3.2. Mô tả định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Bảng 2. Thực trạng kế hoạch định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp (n=70)

Định hướng sau khi tốt nghiệp		SL	%
Chưa có định hướng		31	44,3
Đã có định hướng	Học sau đại học	12	17,1
	Đi làm ngay sau khi tốt nghiệp	23	32,8
	Học thêm ngành khác	02	2,9
	Học thêm kỹ năng khác	02	2,9

Bảng trên cho thấy, tỷ lệ sinh viên chưa có kế hoạch định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp chiếm 44,3%. Trong số đã có định hướng sau khi tốt nghiệp, đa số sinh viên muốn đi làm ngay (32,8%), sau đó là đi học sau đại học (17,1%). Sinh viên muốn học thêm ngành khác, học thêm kỹ năng khác chiếm tỷ lệ thấp (2,9%).

Kết quả thảo luận nhóm cho thấy hầu hết sinh viên đều đã có dự định cá nhân sau khi tốt nghiệp, tập trung vào hai hướng chính là tiếp tục học lên cao và đi làm theo chuyên ngành. Cụ thể, theo ý kiến của anh L.V.T: “Em muốn học lên cao học về Y học dự phòng hoặc Y tế công cộng để nâng cao kiến thức và có thêm cơ hội nghề nghiệp”. Trong khi đó, nhiều sinh viên khác lựa chọn đi làm ngay tại các cơ sở tiêm chủng, trạm y tế, bệnh viện tuyến huyện hoặc lĩnh vực kiểm soát nhiễm khuẩn. Theo ý kiến của anh V.Q.Q: “Em có dự định đi làm về kiểm soát nhiễm khuẩn ở bệnh viện huyện hoặc về trạm y tế, ngoài ra có thể học thêm chứng chỉ tiêm chủng”.

Bảng 3. Thực trạng định hướng lĩnh vực/chuyên khoa, loại hình và tuyến cơ quan (n=70)

Đặc điểm		SL	%
Lĩnh vực/ chuyên khoa	Làm đúng lĩnh vực/chuyên khoa được đào tạo	43	61,4
	Làm khác lĩnh vực/chuyên khoa được đào tạo	12	17,1
	Chưa có định hướng	15	21,4
Loại hình cơ quan	Bệnh viện nhà nước	16	22,9
	Bệnh viện tư nhân	10	14,3
	Viện nghiên cứu	01	1,4
	Trung tâm kiểm soát bệnh tật/ Trung tâm y tế/ Trạm y tế	32	45,7
	Tổ chức phi chính phủ	06	8,6

Đặc điểm		SL	%
Loại hình cơ quan	Cơ quan ngoài lĩnh vực y tế	03	4,3
	Chưa có định hướng	13	18,6
Tuyển cơ quan	Tuyển trung ương	11	15,7
	Tuyển tỉnh	39	55,7
	Tuyển y tế cơ sở	09	12,9
	Chưa có định hướng	11	15,7

Về lĩnh vực/chuyên khoa, phần lớn sinh viên có định hướng làm đúng chuyên môn, được đào tạo (61,4%).

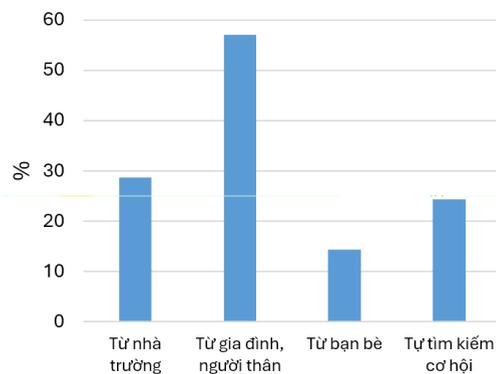
Phần lớn sinh viên lựa chọn làm việc ở Trung tâm kiểm soát bệnh tật/Trung tâm Y tế/Trạm Y tế (45,7%) và phần lớn muốn công tác ở tuyển tỉnh (55,7%). Có tới 21,4% sinh viên chưa xác định được lĩnh vực làm việc; 18,6% chưa có định hướng về loại hình cơ quan và 15,7% chưa xác định được tuyển làm việc mong muốn.

Bảng 4. Tiêu chí ưu tiên khi chọn nơi làm việc sau khi tốt nghiệp (n=70)

Định hướng sau khi tốt nghiệp	SL	%
Lương cao	45	64,3
Có cơ hội phát triển chuyên môn	35	50,0
Môi trường làm việc tốt	47	67,1
Nhiều cơ hội thăng tiến	35	50,0
Công việc có mức thu nhập ổn định	31	44,3
Nơi dễ xin việc	22	31,4
Làm việc với lĩnh vực mình yêu thích	24	34,3
Thời gian làm việc linh hoạt	29	41,4
Có cơ hội tham gia nghiên cứu khoa học	11	15,7
Theo truyền thống gia đình	03	4,3
Dựa vào chính sách và chế độ của nhà tuyển dụng	10	14,3

Đa số sinh viên ưu tiên lựa chọn môi trường làm việc tốt (67,1%), lương cao (64,3%) và có cơ hội phát triển chuyên môn và nhiều cơ hội thăng tiến (50,0%).

Kết quả định tính cũng chỉ ra, khi sinh viên nhấn mạnh bốn yếu tố quan trọng nhất là: thu nhập, cơ hội phát triển, tính ổn định lâu dài và sự phù hợp với bản thân. Theo ý kiến của anh H.V.T: “Em quan tâm nhất đến thu nhập và cơ hội phát triển, nếu công việc ổn định lâu dài mà vẫn có thể học thêm, phát triển thêm thì em sẽ ưu tiên chọn.” Ngoài ra, yếu tố khoảng cách địa lý và môi trường làm việc cũng được sinh viên quan tâm, đặc biệt với những sinh viên có mong muốn làm việc gần gia đình. Theo ý kiến của chị N.T.C: “Em muốn về quê làm ở trạm y tế vì gần gia đình, đỡ áp lực chi phí sinh hoạt trên thành phố.”



Biểu đồ 1. Mong muốn nhận sự giúp đỡ về định hướng việc làm của sinh viên (n=70)

Kết quả biểu đồ cho thấy, sinh viên mong muốn nhận được định hướng việc làm từ gia đình, người thân là chiếm tỷ lệ cao nhất (57,1%), sau đó là từ nhà trường (28,6%), từ bạn bè (14,3%) và có 24,3% tự tìm kiếm cơ hội.

Trong cuộc thảo luận nhóm, các đối tượng cũng đều bày tỏ mong muốn được nhận sự định hướng việc làm từ Nhà trường. Anh VQH “Mong Nhà trường tổ chức các buổi workshop định hướng chuyên sâu, hội thảo hội nghị liên quan đến cơ hội việc làm từ chính các nhà tuyển dụng”. Hay theo ý kiến của anh HVT: “Cần có sự liên kết nhiều hơn với các nhà tuyển dụng”. Cuộc thảo luận nhóm cũng chỉ ra Cố vấn học tập có vai trò rất lớn trong việc tư vấn vì tri thức làm rõ ràng và phù hợp với sinh viên.

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu triển khai khảo sát về thực trạng định hướng việc làm của đối tượng sinh viên ngành Bác sỹ Y học dự phòng sắp ra trường, kết quả cho thấy 44,3% đối tượng chưa có định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp. Con số này phản ánh thực trạng sinh viên vẫn còn nhiều băn khoăn, thiếu chắc chắn và chưa sẵn sàng cho công việc nghề nghiệp sắp tới. Về lĩnh vực/chuyên khoa làm việc chỉ có 61,4% sinh viên định hướng làm việc đúng chuyên môn được đào tạo, tuy nhiên vẫn còn 21,4% sinh viên chưa xác định được lĩnh vực, chuyên khoa mong muốn. Tỷ lệ này cho thấy một bộ phận lớn sinh viên vẫn còn lúng túng trong việc xác định con đường nghề nghiệp tương lai, có thể xuất phát từ việc thiếu thông tin về thị trường lao động, chưa được tư vấn hướng nghiệp đầy đủ hoặc còn chịu ảnh hưởng từ tâm lý lo lắng, áp lực trước các yêu cầu ngày càng cao của môi trường làm việc trong lĩnh vực y tế. Đặc biệt có gần 40% sinh viên không xác định làm đúng chuyên môn được đào tạo, đây thực sự là một điều cần sự quan tâm sâu sắc từ phía nhà trường đặc biệt từ phía cố vấn học tập và khoa Y tế công cộng trực tiếp quản lý sinh viên.

Phần lớn sinh viên có định hướng làm việc tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật/Trung tâm Y tế/Trạm Y tế chiếm 45,7% và bệnh viện nhà nước chiếm 22,9%. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Nguyễn Thu Hà khi phần lớn sinh viên cũng lựa chọn làm việc trong y tế nhà nước (31,4%)². Tỷ lệ sinh viên làm việc tại bệnh viện tư nhân chỉ chiếm 14,3%. Kết quả này có xu hướng trái lại so với nghiên cứu của tác giả Đàm Thị Ngọc Anh tại Trường Đại học Y Hà Nội trên các đối tượng là các sinh viên YHDP tốt nghiệp năm 2018, 2019, 2020 cho thấy tỷ lệ sinh viên làm tại khu vực tư nhân tăng từ 32,4% vào năm 2018 lên 53,4% vào năm 2020³. Sự khác biệt này có thể do đặc thù địa bàn đào tạo và nhận thức về cơ hội việc làm tại địa phương.

Về tuyển đơn vị, phần lớn sinh viên mong muốn công tác tại tuyến tỉnh (55,7%). Kết quả này trái ngược với nghiên cứu của Nguyễn Thu Hà năm 2022 (62% muốn làm việc tại Hà Nội). Điều này có thể giải thích bởi nhu cầu nhân lực y tế tại các địa phương đang gia tăng, đi kèm với các chính sách thu hút và điều kiện sinh hoạt thuận lợi hơn so với áp lực tại các đô thị lớn. Về các tiêu chí ưu tiên khi chọn nơi làm việc sau khi tốt nghiệp, kết quả cho thấy Đa số sinh viên ưu tiên lựa chọn môi trường làm việc tốt (67,1%), lương cao (64,3%) và có cơ hội phát triển chuyên môn và nhiều cơ hội thăng tiến (50,0%). Điều này hoàn toàn phù hợp với xu thế chung về mong muốn tìm kiếm việc làm trong tương lai của sinh viên sau khi ra trường. Trong một nghiên cứu tại Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cũng có thấy thu nhập cao và sự tích lũy kinh nghiệm trong môi trường làm việc tốt chính là các yếu tố chính để sinh viên lựa chọn nghề nghiệp⁴. Ít sinh viên ưu tiên nơi làm việc theo truyền thống gia đình (4,3%). Điều này cho thấy sinh viên ngày càng đề cao điều kiện làm việc, thu nhập và khả năng phát triển nghề nghiệp lâu dài.

Về hạn chế của nghiên cứu, do thiết kế mô tả cắt ngang nên kết quả chỉ phản ánh định hướng nghề nghiệp của sinh viên tại thời điểm khảo sát, chưa đánh giá được sự thay đổi định hướng theo thời gian. Bên cạnh đó, cỡ mẫu còn tương đối nhỏ, do đó khả năng khái quát hóa kết quả cho toàn bộ sinh viên ngành Y học dự phòng còn hạn chế.

5. KẾT LUẬN

Tỷ lệ sinh viên năm cuối ngành Bác sĩ Y học dự phòng tại Trường Đại học Y – Dược, Đại học Thái Nguyên chưa có kế hoạch định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp là 44,3%. Sinh viên có xu hướng lựa chọn làm việc đúng chuyên môn được đào tạo chỉ chiếm 61,4% và ưu tiên các cơ sở thuộc hệ thống y tế dự phòng như Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế, Trạm Y tế (45,7%). Các tiêu chí được sinh viên quan tâm hàng đầu khi lựa chọn nơi làm việc là môi trường Đa số sinh viên ưu tiên lựa chọn môi

trường làm việc tốt (67,1%), lương cao (64,3%) và có cơ hội phát triển chuyên môn và nhiều cơ hội thăng tiến (50,0%). Sinh viên mong muốn nhận được định hướng việc làm từ gia đình, người thân (57,1%), từ Nhà trường (28,6%) và bạn bè (14,3%).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Huangyuan, L. et al. Using Employment Data From a Medical University to Examine the Current Occupation Situation of Master's Graduates in Public Health and Preventive Medicine in China. *Frontiers in Public Health*. 2020 .8. DOI: 10.3389/fpubh.2020.508109.
- [2] Nguyễn Thu Hà, Vũ Tư Thành, Nguyễn Thị Thịnh. Định hướng việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên năm cuối hệ Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội, năm học 2022-2023. *Tạp chí y học Việt Nam*. 2022 .531:121-125. DOI: <https://doi.org/10.51298/vmj.v531i2.7150>.
- [3] Đàm Thị Ngọc Anh. Thực trạng việc làm của sinh viên ngành Bác sĩ Y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2020. *Tạp chí Khoa học Nghiên cứu Sức khỏe và Phát triển*. 2022. 6:83-89. DOI: <https://doi.org/10.38148/JHDS.0605SKPT22-048>.
- [4] Nguyễn Thị Như Quỳnh. Khảo sát định hướng nghề nghiệp của sinh viên Khoa Dược – Đại học Nguyễn Tất Thành. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*. 2019. Số 5:89-94. <https://vjol.info.vn/index.php/dh-NTT/article/view/44691>.

